Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9506.99.90

Mã HS	9506.99.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools) / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:27:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/95069990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18803
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18803
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18803
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18077
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18006
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18006
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18006
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18006
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18006
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18006
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18062
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18062
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18062
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18062

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18062
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18062
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18063
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18063
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18063
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18063
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18063
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18063
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18068
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18025
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18020
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18020
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18020
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18020
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18020
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18020
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18068
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18068
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18068
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18068
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18068
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18068
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18132
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18132
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18132
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18132

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18132
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18132
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18106
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18106
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18106
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18106
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18106
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18106
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18099
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18099
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18099
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18099
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18099
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18099
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D18129
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18129
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18129
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18129
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18129
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18129
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D18128
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18128
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18128
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18128
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18128
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18128

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18222
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18222
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18222
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18222
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18222
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18222
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18222
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18093
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18093
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18093
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18093
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18093
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18093
RCEP B	2022	2022	0	B!D18093
RCEP B	2023	2023	0	B!E18093
RCEP B	2024	2024	0	B!F18093
RCEP B	2025	2025	0	B!G18093
RCEP B	2026	2026	0	B!H18093
RCEP B	2027	2027	0	B!I18093
RCEP C	2022	2022	0	C!D18091
RCEP C	2023	2023	0	C!E18091
RCEP C	2024	2024	0	C!F18091
RCEP C	2025	2025	0	C!G18091
RCEP C	2026	2026	0	C!H18091
RCEP C	2027	2027	0	C!I18091
RCEP D	2022	2022	0	D!D18090

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18090
RCEP D	2024	2024	0	D!F18090
RCEP D	2025	2025	0	D!G18090
RCEP D	2026	2026	0	D!H18090
RCEP D	2027	2027	0	D!I18090
RCEP E	2022	2022	0	E!D18095
RCEP E	2023	2023	0	E!E18095
RCEP E	2024	2024	0	E!F18095
RCEP E	2025	2025	0	E!G18095
RCEP E	2026	2026	0	E!H18095
RCEP E	2027	2027	0	E!I18095
RCEP F	2022	2022	0	F!D18093
RCEP F	2023	2023	0	F!E18093
RCEP F	2024	2024	0	F!F18093
RCEP F	2025	2025	0	F!G18093
RCEP F	2026	2026	0	F!H18093
RCEP F	2027	2027	0	F!I18093
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F16965
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G16965
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16965
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16965

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9506.99 có 4 dòng thuế; dòng 9506.99.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9506.99.10 Cung (kể cả nỏ) và mũi tên; 9506.99.20 Lưới (*), đệm bảo vệ ống chân và tấm ốp bảo vệ ống chân; 9506.99.30 Quả cầu lông	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9506.99.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9506.99.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18803), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.